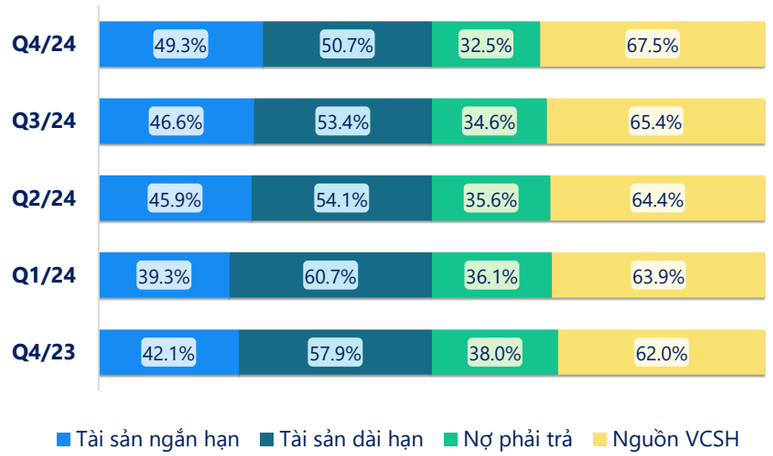
FireAnt

CTCP Create Capital Việt Nam (HSX: CRC)

Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	6,790
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	7,490
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	5,830
SL cổ phiếu LH	60,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	474,720
% sở hữu nước ngoài	0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	407
P/E	6.3
EPS	1,075

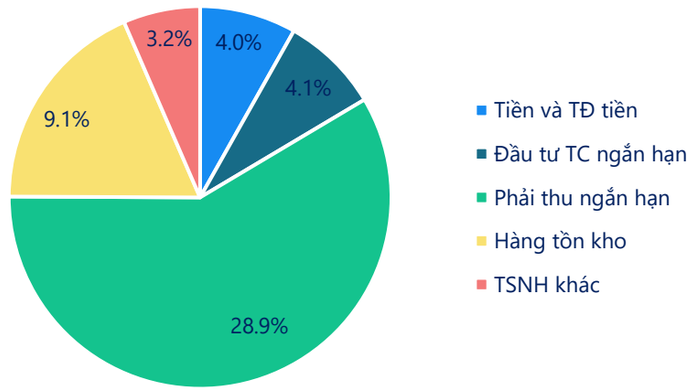
	YTD	1T	3T	6T
CRC		0.1%	1.8%	2.7%
VNINDEX		2.1%	-0.2%	-1.3%

Cơ cấu Tổng tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

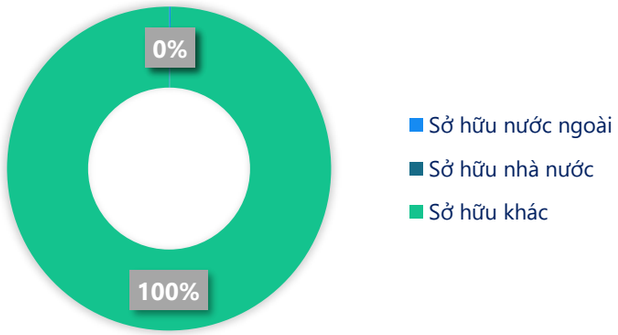
Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



Q4/24

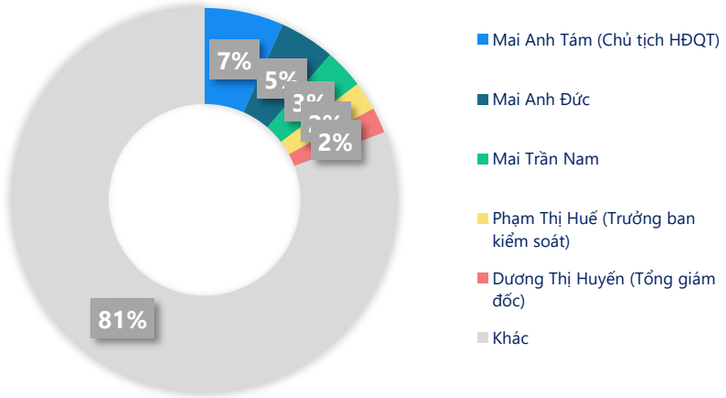
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



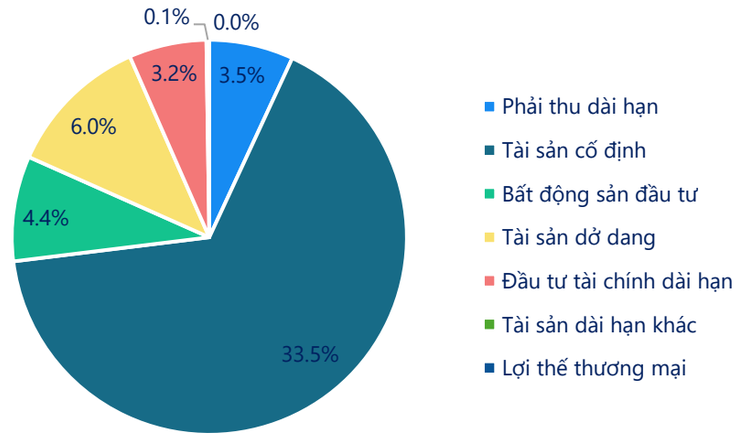
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



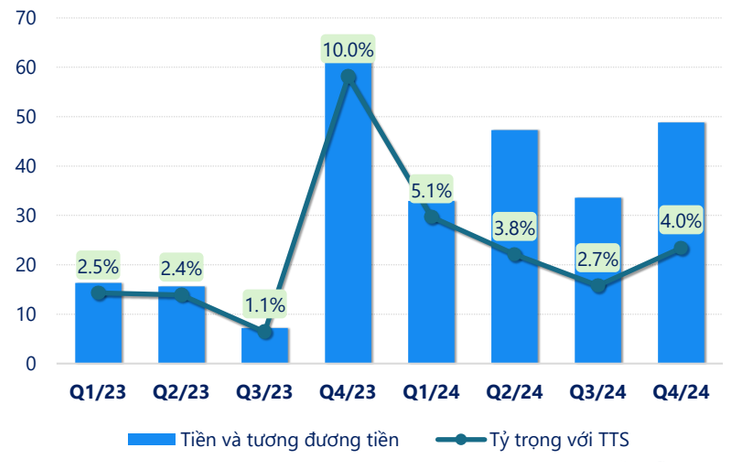
Q4/24

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

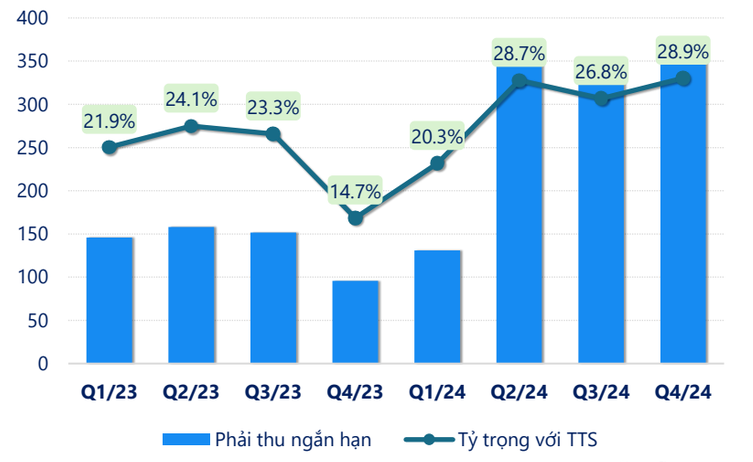
CTCP Create Capital Việt Nam (HSX: CRC)

Tiền và tương đương tiền



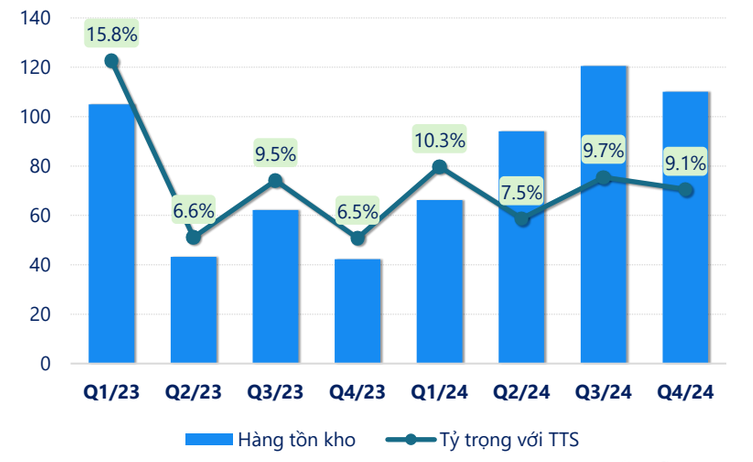
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



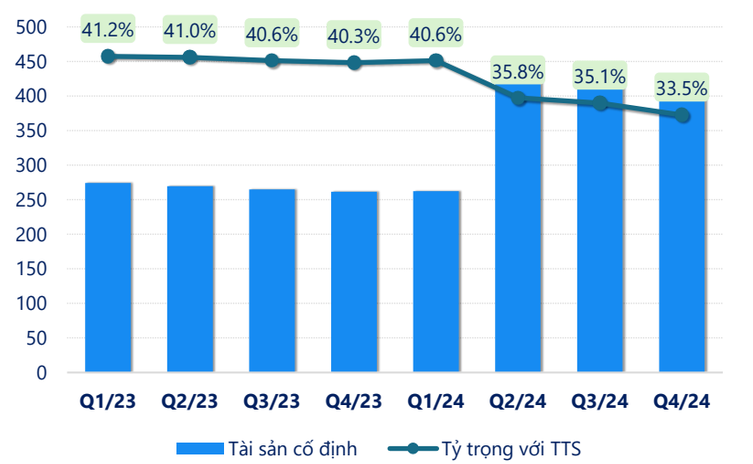
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



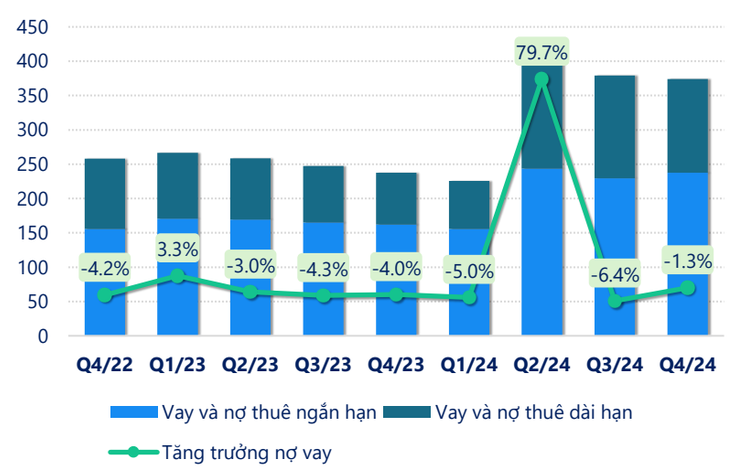
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



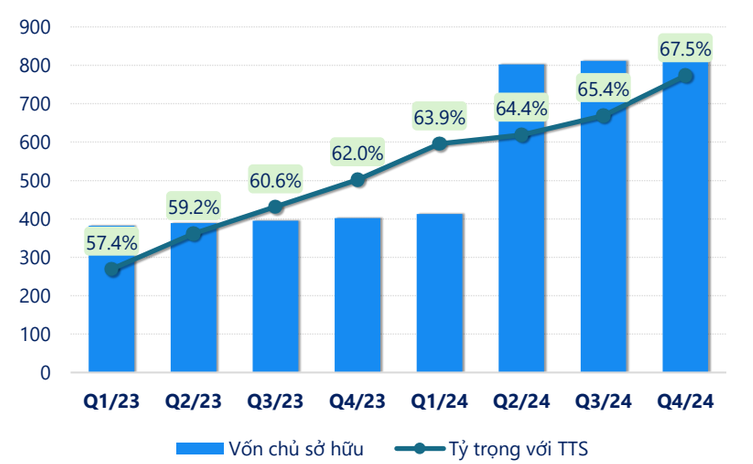
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

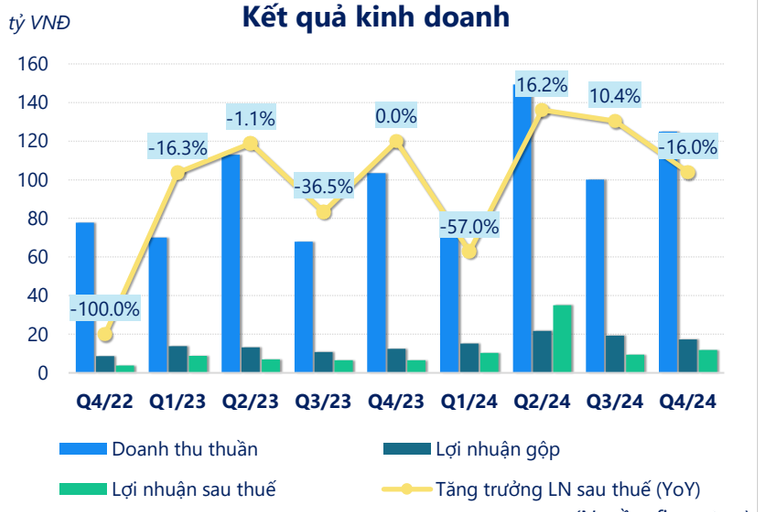


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

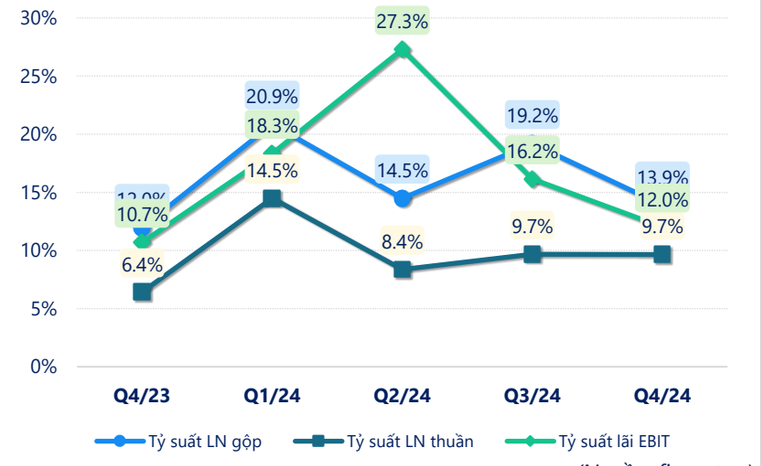
CTCP Create Capital Việt Nam (HSX: CRC)

Kết quả kinh doanh



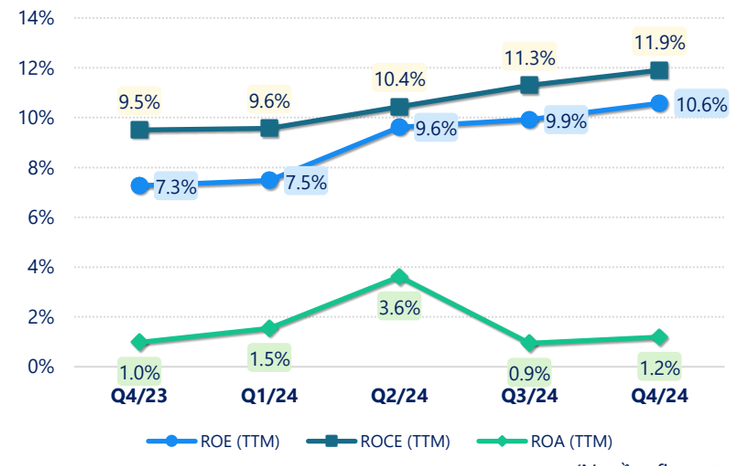
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



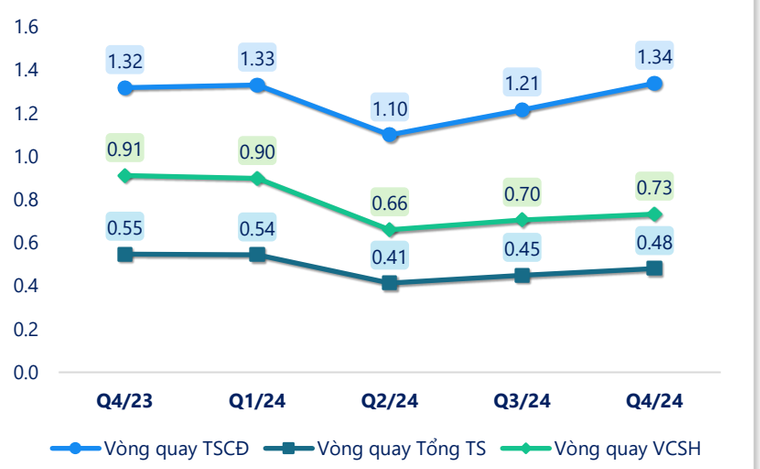
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



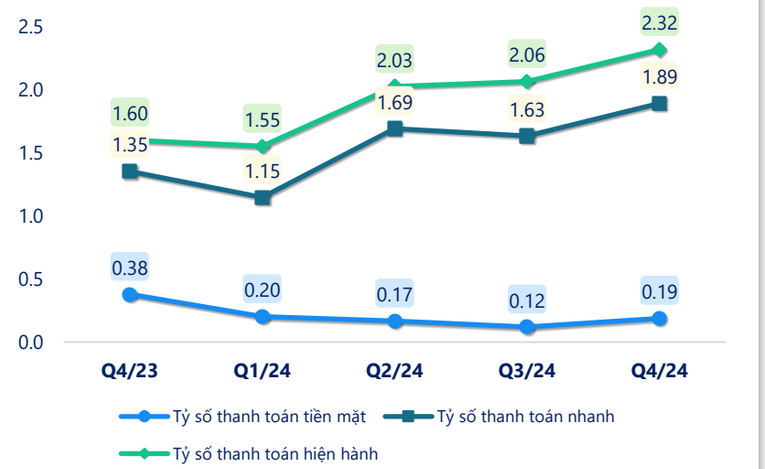
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



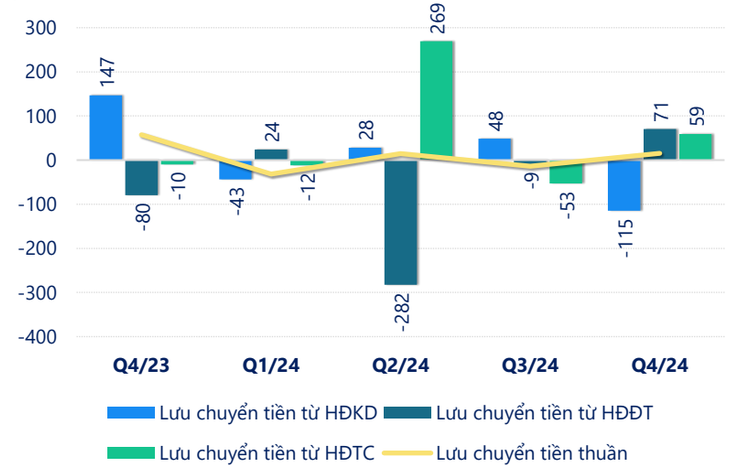
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Create Capital Việt Nam (HSX: CRC)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,213**	**648**	**87.2%**
Tài sản ngắn hạn	598	272	120%
Tiền và tương đương tiền	48.8	64.5	-24.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	49.6	48.8	1.6%
Phải thu ngắn hạn	351	95.4	268%
Hàng tồn kho	110	42.3	160%
Tài sản ngắn hạn khác	39.0	21.3	82.8%
Tài sản dài hạn	**615**	**376**	**63.7%**
Phải thu dài hạn	42.5	42.5	0.0%
Tài sản cố định	407	266	53.1%
Bất động sản đầu tư	53.0	0	
Tài sản dở dang	72.2	66.5	8.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	39.1	0.50	7714%
Tài sản dài hạn khác	**1.45**	**0.66**	**121%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	395	246	60.7%
Nợ ngắn hạn	**258**	**170**	**51.7%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	237	162	46.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	14.1	4.64	205%
Nợ dài hạn	137	75.6	80.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	137	75.5	81.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**818**	**402**	**103%**
Vốn chủ sở hữu	**818**	**402**	**103%**
Vốn điều lệ	600	300	100%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Doanh thu thuần	103	72.5	149	100	125
Giá vốn hàng bán	91.0	57.4	128	80.9	108
Lợi nhuận gộp	12.4	15.1	21.7	19.2	17.4
Doanh thu HĐTC	0.55	0.28	0.29	0.30	1.36
Chi phí TC	4.29	2.81	5.50	6.49	4.57
Chi phí lãi vay	4.29	2.81	5.42	6.49	2.95
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0.21
Chi phí bán hàng	0.18	0.00	1.35	0.42	0.00
Chi phí QLDN	1.82	2.08	2.57	2.91	2.28
LN thuần từ HĐKD	6.65	10.5	12.5	9.69	12.1
Lợi nhuận khác	0.12	-0.02	22.8	0.00	0.00
LN trước thuế	6.77	10.5	35.4	9.68	12.1
Lợi nhuận sau thuế	6.51	10.4	35.0	9.47	11.9
LNST của CĐ cty mẹ	6.38	10.1	34.4	8.96	11.0

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	147	-43.5	27.7	48.3	-115
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-79.8	23.9	-282	-9.14	70.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-9.79	-12.0	269	-52.8	59.4
Tiền đầu kỳ	7.19	64.5	32.9	47.3	33.6
Lưu chuyển tiền thuần	**57.3**	**-31.6**	**14.3**	**-13.7**	**15.2**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	64.5	32.9	47.3	33.6	48.8

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic